

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Cuối năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	589	124	114	104	124	123
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	589	124	114	104	124	123
III	Số học sinh chia theo năng lực	589	124	114	104	124	123
1	Tốt	405	86	80	72	86	81
	(tỷ lệ so với tổng số)	68,8	69,4	70,2	69,2	69,4	65,9
2	Đạt	179	34	34	31	38	42
	(tỷ lệ so với tổng số)	30,4	27,4	29,8	29,8	30,6	34,1
3	Cần cố gắng	5	4,0	0,0	1,0	0,0	0,0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,8	3,2	0,0	1,0	0,0	0,0
III	Số học sinh chia theo phẩm chất	589	124	114	104	124	123
1	Tốt	440	101	80	73	90	96,0
	(tỷ lệ so với tổng số)	74,7	81,5	70,2	70,2	72,6	78,0
2	Đạt	141	22	34	31	34	20
	(tỷ lệ so với tổng số)	23,9	17,7	29,8	29,8	27,4	27,0
3	Cần cố gắng	1	1	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,2	0,8	0,0	0,0	0,0	0,0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	589	124	114	104	124	123
1	Hoàn thành tốt	407	87	80	72	85	83
	(tỷ lệ so với tổng số)	69	70,2	70,2	69,2	68,5	67,5
2	Hoàn thành	179	35	33	32	39	40
	(tỷ lệ so với tổng số)	30	28,2	28,9	30,8	31,5	32,5
3	Chưa hoàn thành	3	2	1	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,0	1,6	0,9	0,0	0,0	0,0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	589	124	114	104	124	123
1	Lên lớp	581,0	118	113	103	124	123
	(tỷ lệ so với tổng số)	98,6	95,2	100,0	99,0	100,0	100,0
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	0,0					
		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	14,0	0,0	0,0	0,0	5,0	9,0
2	Ở lại lớp	8,0	6	1	1	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,4	4,8	0,9	1,0	0,0	0,0

Hoàng Tiến, ngày 10 tháng 6 năm 2025

Thư trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Giao Thị Hòe